

## Câu 1-10:



Hiển thị đọc



Chọn đáp án đúng.



1. They mustn't \_\_\_\_\_ the screen.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này☒ A. touch[Ẩn Giải thích](#)**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'mustn't – không được phép', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Họ không được phép chạm vào màn hình.→ **Chọn đáp án A**☐ B. touched

2. You needn't \_\_\_\_\_ a report.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này☐ A. written☒ B. write[Ẩn Giải thích](#)**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'needn't – không cần', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Bạn không cần viết báo cáo đâu.→ **Chọn đáp án B**

3. It mayn't \_\_\_\_\_ tomorrow.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này☐ A. rained

✓ B. rain

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu ‘mayn’t – có lẽ không’, ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Ngày mai trời có lẽ không mưa.

→ **Chọn đáp án B**



4. You can \_\_\_\_\_ my pencil.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ A. borrow

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu ‘can – có thể’, ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Bạn có thể mượn bút chì của tôi.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. borrowed



5. He shouldn't \_\_\_\_\_ coffee at night.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. drinking

✓ B. drink

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu ‘shouldn’t – không nên’, ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Anh ấy không nên uống cà phê vào buổi tối.

→ **Chọn đáp án B**



6. Shall we \_\_\_\_\_ to the supermarket by car?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. gone

☒ B. go

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'shall – sẽ', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Chúng ta sẽ đi tới siêu thị bằng xe ô tô chứ?

→ **Chọn đáp án B**



7. You mustn't \_\_\_\_\_ wine.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. drink

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'mustn't – không được phép', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Bạn không được phép uống rượu.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. drinking



8. I have to \_\_\_\_\_ to school tomorrow.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. go

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'have to – phải', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Ngày mai tôi phải tới đi học.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. went



9. We should \_\_\_\_\_ the doctor twice a year.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. seen

☒ B. see

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'should – nên', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Chúng ta nên đi khám hai lần một năm.

→ **Chọn đáp án B**



10. They needn't \_\_\_\_\_ the housework today.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. doing

☒ B. do

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Sau động từ khuyết thiếu 'needn't – không cần', ta luôn dùng động từ nguyên thể.

**Tạm dịch:** Họ không cần làm việc nhà hôm nay.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 11–20:



Hiển thị đọc ▼

**Chọn đáp án chỉ ra động từ khuyết thiếu để tạo thành câu có nghĩa hợp lý.**



11. You \_\_\_\_\_ smoke in the park.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. mustn't

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Ta có mustn't + V nguyên thể: không được phép làm gì.

Ta không thể dùng have + V nguyên thể.

**Tạm dịch:** Bạn không được phép hút thuốc trong công viên.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. have


12. You \_\_\_\_\_ exercise every day.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. shall

☒ B. should

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

‘shall’ chỉ đi với chủ ngữ ‘I’ hoặc ‘we’, do vậy ta chỉ có thể dùng ‘should’ (nên)

**Tạm dịch:** Bạn nên tập thể dục mỗi ngày.

→ **Chọn đáp án B**



13. She \_\_\_\_\_ dance very well 5 years ago.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. needn't

☒ B. could

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Needn't + V nguyên thể: không cần

Could + V nguyên thể: có thể làm gì (trong quá khứ)

Ta thấy có ‘5 years ago’ – 5 năm trước, vậy ta dùng ‘could’.

**Tạm dịch:** Cô ấy có thể khiêu vũ rất giỏi 5 năm trước.

→ **Chọn đáp án B**

2



14. I think he \_\_\_\_\_ return soon.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. will

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

‘shall’ chỉ đi với chủ ngữ ‘I’ hoặc ‘we’, do vậy ta chỉ có thể dùng ‘will’.

**Tạm dịch:** Tôi nghĩ anh ấy sẽ quay lại sớm thôi.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. shall

1



15. Students \_\_\_\_\_ wear hats.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. have

☒ B. have to

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Have to + V nguyên thể: phải làm gì.

Ta không thể dùng have + V nguyên thể.

**Tạm dịch:** Học sinh phải đội mũ.

→ **Chọn đáp án B**

1



16. They \_\_\_\_\_ understand this question. It is not easy.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. might not

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Might not + V nguyên thể: có thể không

Mustn't + V nguyên thể: không được phép

Dựa vào vế sau ‘Nó không dễ’, vậy ta sẽ dùng ‘might not’

**Tạm dịch:** Họ có thể không hiểu câu hỏi này. Nó không dễ.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. mustn't

1



17. My son \_\_\_\_\_ ride a bike now.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. shall

☒ B. can

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

‘shall’ chỉ đi với chủ ngữ ‘I’ hoặc ‘we’, do vậy ta chỉ có thể dùng ‘can’ (có thể).

**Tạm dịch:** Giờ con trai tôi có thể đạp xe rồi.

→ **Chọn đáp án B**



18. You \_\_\_\_\_ drink water every day.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. can

☒ B. should

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

can + V nguyên thể: có thể, có khả năng làm gì

should + V nguyên thể: nên làm gì

Đây là một câu lời khuyên, nên ta dùng ‘should’

**Tạm dịch:** Bạn nên uống nước mỗi ngày.

→ **Chọn đáp án B**



19. \_\_\_\_\_ I enter your room? – OK.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. May

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

May I + V nguyên thể: Tôi có thể (câu xin phép)

Have to + V nguyên thể: phải làm gì

Đây là câu xin phép, nên ta dùng May.

**Tạm dịch:** Tôi có thể đi vào phòng bạn được không? – Được chứ.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. Have to

TAILIEUONTHI.NET



20. I \_\_\_\_\_ go to work today because it's Sunday.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. don't have to

[Ẩn Giải thích](#)

**Động từ khuyết thiếu:**

Don't have to + V nguyên thể: không cần phải làm gì

Mustn't + V nguyên thể: không được phép làm gì

**Tạm dịch:** Tôi không cần phải đi làm vì hôm nay là chủ Nhật.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. mustn't

TAILIEUONTHI.NET